TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2019/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh A,

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mai H,

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Nguyễn Mai H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Nguyễn Mai H thống nhất thỏa thuận: Chị A có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận, chậm nhất đến ngày 31/12/2019 chị A phải trả xong số tiền trên cho anh H.

- Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Hai bên thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Thanh A chịu trách nhiệm nộp 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà chị A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004684 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị A được nhận lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Anh Nguyễn Mai H phải chịu 800.000 đồng (*tám trăm ngàn đồng)* án phí chia tài sản.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Đức Long